

Bản án số: **202/2020/HS-PT**

Ngày 16 - 9 - 2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Minh Tuấn**

Các Thẩm phán: Ông **Lê Tự**

Ông **Đặng Kim Nhân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phương Liên**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Thanh** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 211/2020/TLPT-HS ngày 22 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Thị N. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2020/HSST ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1377/2020/QĐXXPT-HS ngày 31 tháng 8 năm 2020.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thị N (*Tên gọi khác: Không*), sinh ngày 17 tháng 02 năm 1982 tại TP Đà Nẵng; Nơi ĐKKHKT: TP Đà Nẵng; Nơi cư trú: phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn B (*còn sống*) và bà Nguyễn Thị C (*còn sống*); Có chồng: Phạm Thanh V và có 03 con (*lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2013*); Tiền án, tiền sự: Chưa;

Bị bắt ngày 02/8/2019. Bị cáo hiện đang tạm giam. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo:

Ông **Nguyễn Thành Đ** - Luật sư Công ty Luật TNHH HTV S, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

(Ngoài ra, trong vụ án còn có người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, không bị kháng nghị, Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 8/2018 đến tháng 8/2019 do không có tiền trả nợ và không có tiền chi tiêu cá nhân, nên Nguyễn Thị N đã nảy sinh ý định làm giả nhiều giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) rồi đem đi lừa đảo chiếm đoạt tiền của nhiều người, cụ thể:

Vụ thứ 1: Vào tháng 8/2018, Nguyễn Thị N tìm kiếm trên mạng xã hội và liên hệ với một người tên M (*không rõ lai lịch*) làm giả một (GCNQSDĐ) với giá 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*). N cung cấp thông tin cá nhân và thông tin trong GCNQSDĐ cần làm nội dung là số thửa số 92, tờ bản đồ số B1- 18 (GDD), diện tích 100m² tại khu đô thị ven sông H, giai đoạn 2, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng đứng tên Nguyễn Thị N. Sau khi có được GCNQSDĐ giả, N đến thế chấp cho chị Nguyễn Thị Thanh H vay 04 (*bốn*) lần với tổng số tiền là 560.000.000 đồng (*Năm trăm sáu mươi triệu đồng*). Thời gian đầu (*vào tháng 3/2019*) N trả lãi cho chị H được 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*), sau đó N trốn tránh không trả nợ. Thấy vậy, chị H yêu cầu N ra công chứng chuyển nhượng lô đất trên để trả nợ khoản vay. Mặc dù là GCNQSDĐ giả, nhưng ngày 02/8/2019 N vẫn đi với chị H đến Văn phòng công chứng P tại quận C, thành phố Đà Nẵng để làm hợp đồng chuyển nhượng. Tại đây công chứng viên Mai Thị N phát hiện GNNQSDĐ là giả nên báo cáo Công an quận C, thành phố Đà Nẵng đến bắt quả tang Nguyễn Thị N cùng tang vật.

Tại bản kết luận giám định số 56/GĐ -TL ngày 07/08/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng đã kết luận: GCNQSDĐ số BC 862504 số thửa 92, tờ bản đồ B1-18 (GĐ2), diện tích 100m² tại khu đô thị sinh thái ven sông H, giai đoạn 2, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng đứng tên của Nguyễn Thị N là giả.

Vụ thứ 2: Vào ngày 15/12/2018 Nguyễn Thị N nói dối với ông Nguyễn Văn B (*là cha của N*) để mượn GCNQSDĐ số CK 117524 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28/01/2017 mang tên Nguyễn Thị N để làm hộ khẩu chứng minh nhân dân (*lô đất này là tài sản của ông Nguyễn Văn B, nhờ N đứng tên hộ*), ông B tưởng thật nên giao GCNQSDĐ nêu trên cho N, sau khi mượn được, N đem thế chấp vay của chị Lê Thị T số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) và vay của chị Huỳnh Thị T1 số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*). Sợ ông B biết được việc đem thế chấp GCNQSDĐ, nên thông qua trang mạng xã hội N tiếp tục thuê một người không rõ lai lịch làm giả

một GCNQSDĐ số: CE683054 có nội dung thửa số 43, tờ bản đồ số 226, lô 516, Khu E mở rộng, diện tích 100m² thuộc dự án khu đô thị sinh thái ven sông H, giai đoạn 2 phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng đứng tên Nguyễn Thị N với giá 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*). Sau khi có GCNQSDĐ giả, N đem đến đổi cho chị Lê Thị T và chị Huỳnh Thị T1 để thế chấp khoản vay 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*) đã vay trước đó và lấy GCNQSDĐ đất số CK 117524 đem về trả lại cho ông B.

Tại Bản kết luận giám định số 70 GD - TL ngày 05/09/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng đã kết luận: GCNQSDĐ số CE 683054, ghi tên Nguyễn Thị N có nội dung thửa số 43, tờ bản đồ số 226, lô 516 Khu E mở rộng, diện tích 100m² thuộc dự án khu đô thị sinh thái ven sông H, giai đoạn 2 phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng là giả.

Vụ thứ 3: Cũng bằng thủ đoạn như trên, N lên mạng xã hội thuê một người không rõ lai lịch làm giả một GCNQSDĐ số CH 680160, thửa số 373, tờ bản đồ 75, lô 52B1.17 GDD2, diện tích 100m² thuộc dự án khu đô thị sinh thái ven sông H giai đoạn 2 phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng đứng tên Nguyễn Thị N. Sau khi có GCNQSDĐ giả, và ngày 31/7/2019 N đem thế chấp cho chị Mai Thị Thu S vay 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*).

Tại Bản kết luận giám định số 113/KL-TL ngày 31/12/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng đã kết luận: GCNQSDĐ số CH 680160, thửa số 373, tờ bản đồ 75, lô 52B1.17 GDD2, diện tích 100m² thuộc dự án khu đô thị sinh thái ven sông H giai đoạn 2 phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng đứng tên Nguyễn Thị N là giả.

Trong quá trình điều tra, vào ngày 20/9/2019 ông Nguyễn Văn B, là cha của Nguyễn Thị N, có đơn gửi đến Cơ quan Công an điều tra truy tố vợ chồng N đã lấy của ông số tiền là 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng*) và 06 (*sáu*) chỉ vàng. Sau khi ông B phát hiện thì vợ chồng N đã viết giấy vay tiền vàng rồi đưa cho ông B và hẹn đến 60 ngày sau sẽ trả, nhưng sau đó chưa thực hiện. Ông B còn tố cáo Nguyễn Thị N trộm cắp của ông 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*) và lừa dối ông để chuyển nhượng nhà đất của ông đứng tên sở hữu. Tuy nhiên, đến ngày 13/11/2019, ông Nguyễn Văn B đã tự nguyện làm đơn xin rút đơn tố cáo vợ chồng N với các nội dung nêu trên. Nên cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có cơ sở.

Tang vật tạm giữ:

1. Tạm giữ của Nguyễn Thị N:

- 01(*một*) xe mô tô hiệu LEAD màu bạc, BKS 43P1- 3934 do Nguyễn Thị N đứng tên làm chủ sở hữu;
- 01 (*một*) giấy mượn tiền có chữ kí Nguyễn Thị N ngày 12/11/2018;
- 01(*Một*) giấy mượn tiền có chữ kí Nguyễn Thị N ngày 31/08/2017;

- 01(Một) giấy tờ nhận tiền đặt cọc có chữ ký Nguyễn Thị N ngày 19/8/2017;

- 01 (Một) tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp có chữ ký Nguyễn Thị N ghi năm 2017;

- 01(Một) tờ cam kết tài sản riêng có chữ kí Nguyễn Thị N lập ngày 12/06/2018;

- 01 (Một) tờ giấy yêu cầu thay đổi thông tin khách hàng và thay đổi thông tin dịch vụ khách hàng điện tử có chữ kí Nguyễn Thị N không ghi ngày;

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung màu vàng đồng;

- 01 (Một) giấy CNQSDĐ số BC 862504 số thửa 92, tờ bản đồ B1-18 (GD2), diện tích 100m² tại khu đô thị sinh thái ven sông H, giai đoạn 2, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng đứng tên của Nguyễn Thị N.

2. Tạm giữ của Huỳnh Thị T1:

- 01(một) GCNQSDĐ số CE 683054, ghi tên Nguyễn Thị N có nội dung thửa số 43, tờ bản đồ số 226, lô 516 Khu E mở rộng, diện tích 100m² thuộc dự án khu đô thị sinh thái ven sông H, giai đoạn 2 phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng mang tên Nguyễn Thị N;

- 01(Một) giấy mượn tiền thể hiện Nguyễn Thị N mượn 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) (bản photocopy).

3. Tạm giữ của Mai Thị Thu S:

- 01(một) GCNQSDĐ số CH 680160, thửa số 373, tờ bản đồ 75, lô 52B1.17 GDD2, diện tích 100m² thuộc dự án khu đô thị sinh thái ven sông H giai đoạn 2 phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng đứng tên Nguyễn Thị N;

- 01(Một) giấy mượn tiền thể hiện nội dung Nguyễn Thị N mượn của Mai Thị Thu S số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

4. Khám xét chỗ ở của Nguyễn Thị N thu giữ:

- 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng);

- 01(Một) giấy chứng nhận đăng ký mô tô số 020073, 01(một) giấy tờ chứng nhận đăng kiểm, 01(một) giấy chứng nhận bảo hiểm (Ba giấy tờ trên là của xe ô tô 92C- 03567 nhãn hiệu Hyundai loại tải cabin kép);

- 01(Một) giấy biên nhận hồ sơ 2008 tên Đoàn Văn H cán bộ hộ tịch tiếp nhận hồ sơ của Nguyễn Thị N.

Với nội dung trên: Tại Bản cáo trạng số 08/CT-VKS ngày 11 tháng 3 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng truy tố bị cáo Nguyễn Thị N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2020/HS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị N phạm các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ vào: Điểm a khoản 4 Điều 174; Điểm b khoản 3 Điều 341; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 55 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

**Xử phạt: Nguyễn Thị N: 13 (Mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 (Ba) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo Nguyễn Thị N phải chấp hành là: 16 (Mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 02/8/2019.*

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm bồi thường dân sự, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi án xử sơ thẩm, ngày 23 tháng 5 năm 2020, bị cáo Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có quan điểm hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, gây hậu quả xấu đến tình hình trật tự, trị an địa phương, mức hình phạt cấp sơ thẩm tuyên đối với bị cáo là không nặng. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm không có bồi thường cho người bị hại, cũng không phát sinh tình tiết giảm nhẹ nào mới nên đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng bị cáo chưa được áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS là chưa thỏa đáng, bởi lẽ việc thu giữ tiền và xe máy của bị cáo vẫn có thể bồi thường cho người bị hại. Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị cáo, áp dụng thêm quy định điều luật nêu trên để giảm hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo Nguyễn Thị N tại phiên tòa phúc thẩm, có đủ căn cứ xác định: Xuất phát từ việc không có khả năng trả nợ cho các khoản vay mượn và chi tiêu hàng ngày, Nguyễn Thị N nảy sinh ý định làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mang đi thế chấp để vay tiền của nhiều người rồi chiếm đoạt. Cụ thể, trong khoảng thời gian từ tháng 8/2018 đến tháng 8/2019, bị cáo đã liên hệ với một số đối tượng không rõ nhân thân, đặt làm giả 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất gồm các số BC 862504, CE 683054 và CH 680160 đứng tên Nguyễn Thị N với giá từ 3.000.000 đến 5.000.000 đồng/01 Giấy chứng nhận.

Sau khi có được các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất giả nêu trên, Nguyễn Thị N thế chấp cho bà

Nguyễn Thị Thanh H (Giấy chứng nhận giả số BC 862504) để vay tiền nhiều lần rồi chiếm đoạt, tổng cộng số tiền Nguyễn Thị N chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Thanh H là 560.000.000 đồng. Tương tự, Nguyễn Thị N thế chấp cho bà Lê Thị T, bà Huỳnh Thị T1 (Giấy chứng nhận giả số CE 683054) và thế chấp cho bà Mai Thị Thu S (Giấy chứng nhận giả số CH 680160) để vay tiền rồi chiếm đoạt, cụ thể chiếm đoạt của bà Lê Thị T số tiền 100.000.000 đồng, bà Huỳnh Thị T1 số tiền 100.000.000 đồng và bà Mai Thị Thu S số tiền 100.000.000 đồng. Tổng cộng, Nguyễn Thị N đã dùng các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất giả, thế chấp nhằm tạo lòng tin để vay tiền của 04 người, với số tiền 860.000.000 đồng rồi chiếm đoạt, sử dụng vào mục đích cá nhân.

Với hành vi phạm tội như trên, Tòa án cấp sơ thẩm kết tội Nguyễn Thị N “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo Điều 341 Bộ luật Hình sự và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của Nguyễn Thị N, thấy: Hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, tác động xấu đến trật tự quản lý hành chính Nhà nước và tình hình an ninh trật tự xã hội; mặt khác, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần trong thời gian dài, nên cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục và răn đe phòng ngừa chung. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đúng tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo, áp dụng đúng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, tuyên phạt bị cáo 03 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341 và 13 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự; tổng hợp hình phạt, buộc Nguyễn Thị N phải chấp hành hình phạt chung là 16 năm tù; mức hình phạt trên là thỏa đáng, tương xứng với hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra.

Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm không có bồi thường cho người bị hại, cũng không phát sinh tình tiết giảm nhẹ nào mới, việc cơ quan điều tra thu giữ tiền, xe máy của bị cáo không phải là tình tiết tự nguyện khắc phục hậu quả do bị cáo gây ra, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, không chấp nhận quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo.

[3]. Bị cáo Nguyễn Thị N phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 55; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N **03 năm tù** về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” và **13 năm tù** về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Tổng hợp hình phạt chung, buộc bị cáo Nguyễn Thị N phải chấp hành hình phạt **16 năm tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/8/2019.

2. Bị cáo Nguyễn Thị N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2020/HS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT-Công an thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV-Công an thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an thành phố Đà Nẵng;
- Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Minh Tuấn